

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0671003 - Toán ứng dụng 1  
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên    |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|--------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |              |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | TRẦN DUY     | HIẾU   | 3610101001 | 20/03/1983 | 5,00        | 6,00        | 5,70      |         |
| 2   | LƯU TẤN      | PHÁT   | 3610101028 | 28/07/1989 | 5,50        | 6,00        | 5,90      |         |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC   | SƠN    | 3610101038 | 30/10/1991 | 5,50        | 6,00        | 5,90      |         |
| 4   | NGUYỄN ĐĂNG  | HẢI    | 3610101045 | 31/05/1988 | 5,50        | 7,00        | 6,60      |         |
| 5   | PHẠM THANH   | THỦY   | 3610101046 | 06/08/1989 | 5,50        | 4,00        | 4,50      |         |
| 6   | CAO VIỆT     | QUỶ    | 3610101054 | 24/04/1989 | 4,50        | 1,00        | 2,10      |         |
| 7   | LÊ VĂN       | TÌNH   | 3610101059 | 21/09/1987 | 5,00        | 1,00        | 2,20      |         |
| 8   | LÊ VĂN       | TUYÊN  | 3610101064 | 28/12/1990 | 4,50        | 1,00        | 2,10      |         |
| 9   | TRẦN VĂN     | QUỶ    | 3610101074 | 13/04/1991 | 5,00        | 6,00        | 5,70      |         |
| 10  | NGUYỄN VĂN   | THẮNG  | 3610101083 | 07/03/1988 | 4,50        | 1,00        | 2,10      |         |
| 11  | BÙI TIẾN     | MẠNH   | 3610101085 | 13/09/1984 | 4,50        | 2,00        | 2,80      |         |
| 12  | NGUYỄN VĂN   | BÌNH   | 3610101086 | 13/08/1988 | 5,50        | 3,00        | 3,80      |         |
| 13  | MAI THANH    | THÁI   | 3610101092 | 01/01/1990 | 4,50        | 5,00        | 4,90      |         |
| 14  | PHẠM VĂN     | TUẤN   | 3610101093 | 29/03/1990 | 5,50        | 6,00        | 5,90      |         |
| 15  | TRƯƠNG QUỐC  | TRƯỜNG | 3610101096 | 20/02/1986 | 5,50        | ,00         | 1,70      |         |
| 16  | HUỲNH NGỌC   | TUẤN   | 3610101097 | 10/10/1986 | 5,50        | 3,00        | 3,80      |         |
| 17  | PHẠM TRƯỜNG  | CHÍNH  | 3610101099 | 25/03/1984 | 5,00        | 7,00        | 6,40      |         |
| 18  | NGUYỄN VĂN   | HIỀN   | 3610101101 | 25/11/1982 | 5,00        | 3,00        | 3,60      |         |
| 19  | CAO VĂN      | THẮNG  | 3610101103 | 25/05/1989 | 5,00        | 2,00        | 2,90      |         |
| 20  | LÊ TRUNG     | KIÊN   | 3610101106 | 20/03/1982 | 5,50        | 6,00        | 5,90      |         |
| 21  | TRẦN VĂN     | THÂN   | 3610101107 | 04/12/1989 | 3,50        | ,00         | 1,10      |         |
| 22  | NGUYỄN VIỆT  | THUẦN  | 3610101109 | 11/03/1988 | 5,50        | 8,00        | 7,30      |         |
| 23  | ĐỖ VĂN       | TÚ     | 3610101114 | 28/05/1984 | 4,00        | 4,00        | 4,00      |         |
| 24  | LÊ ĐỨC HỒNG  | ÂN     | 3610101118 | 12/08/1988 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |
| 25  | NGUYỄN XUÂN  | DANH   | 3610101119 | 18/02/1984 | 5,00        | 5,00        | 5,00      | HL.L1   |
| 26  | VŨ XUÂN      | HẬU    | 3610101120 | 17/04/1987 | 4,00        | 1,00        | 1,90      |         |
| 27  | NGUYỄN THẠCH | DUY    | 3610101122 | 15/05/1988 | 5,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 28  | LÊ BÁ        | MÃO    | 3610101124 | 30/11/1987 | 5,00        | 6,00        | 5,70      | HL L.1  |
| 29  | ĐOÀN VĂN     | PHÁT   | 3610101131 | 25/04/1989 | 4,50        | 1,00        | 2,10      |         |
| 30  | LÊ VĂN       | ÁNH    | 3610101132 | 11/04/1985 | 4,00        | 1,00        | 1,90      |         |
| 31  | NGUYỄN QUỐC  | HIẾU   | 3610101137 | 20/01/1987 | 4,50        | 3,00        | 3,50      |         |
| 32  | NGUYỄN TẤN   | SỸ     | 3610101148 | 25/08/1982 | 4,50        | 4,00        | 4,20      |         |
| 33  | TRẦN VĂN     | HUYNH  | 3610101149 | 23/10/1990 | 4,00        | ,00         | 1,20      |         |
| 34  | TRỊNH PHÚC   | HIỀN   | 3610101156 | 13/10/1986 | 4,50        | ,00         | 1,40      |         |
| 35  | PHẠM         | HÙNG   | 3610101159 | 21/09/1990 | 4,50        | ,00         | 1,40      |         |

| STT | Họ và tên     |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|---------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |               |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | LÊ TRẦN THANH | TÙNG  | 3610101163 | 01/01/1986 | 4,50        | 3,00        | 3,50      |         |
| 37  | TRẦN XUÂN     | CHÍNH | 3610101168 | 01/12/1986 | 5,50        | 3,00        | 3,80      |         |
| 38  | TRẦN PHƯỚC    | TRUNG | 3610101170 | 30/08/1988 | 4,00        | ,00         | 1,20      |         |
| 39  | NGUYỄN VĂN    | LƯỢNG | 3610101172 | 29/12/1989 | 4,00        | 1,00        | 1,90      |         |
| 40  | NGUYỄN ĐẮC    | HUY   | 3610101177 | 14/06/1987 | 3,50        | ,00         | 1,10      |         |

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)